



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2019

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ đô
- Tên tiếng Anh: Capital Securities Joint stocks Company
- Vốn điều lệ: 75.736.670.000 đồng
- Trụ sở chính: Tầng 2 - Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Mai, Đống Đa- Hà Nội.
- Điện thoại: (84 - 24) 3.577.1733
- Fax: (84 - 24) 3.577.1741
- Email: ckthudo@cscj.vn
- Website: csc.vn
- Giấy CNĐKKD: Số 0103015124 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 19/12/2006.
- Giấy phép HĐKD chứng khoán Số 31/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán cấp ngày 21/12/2006

#### 2. Quá trình hình thành và phát triển

19/12/2006	CSC được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số 31/UBCK-GPHĐKD với số vốn điều lệ 60 tỷ đồng và 5 nghiệp vụ chính: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.
29/01/2007	CSC được công nhận là thành viên của Trung tâm Giao dịch chứng khoán TP. HCM và chính thức hoạt động giao dịch trên TTCK Việt Nam.
26/01/2007	CSC là thành viên chính thức của Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội và thực hiện phiên giao dịch đầu tiên tại sân Hà Nội.
22/06/2007	Khai trương chi nhánh Công ty tại Số 235 – Đường Võ Thị Sáu - Phường 7 - Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh.
01/07/2007	CSC trở thành thành viên của hiệp hội kinh doanh chứng khoán
19/9/2007	CSC được tổ chức TCQSI – Úc cấp chứng chỉ ISO 9001:2000
04/2008	Thành lập đại lý nhận lệnh Hà Nam
24/12/2008	CSC chính thức hoàn thành việc tăng vốn điều lệ của công ty từ 60 tỷ đồng lên 75.736.670.000 đồng.
02/02/2009	Thay đổi Tổng giám đốc
06/03/2009	Rút nghiệp vụ tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành.
05/8/2009	Chuyển chi nhánh từ 235 Võ Thị Sáu, quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh sang địa chỉ 2B Phó đức chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh.
10/4/2010	Đóng Đại lý nhận lệnh Hà Nam
21/5/2010	Chuyển chi nhánh từ 2B Phó đức chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh sang địa chỉ tầng 3, toà nhà Gilimex, số 24C Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.



11/2010	Công ty đã trở thành Công ty đại chúng.
16/11/2010	UBCK Nhà nước chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến
2011	Đóng cửa chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
30/11/2012	QĐ số 1042/QĐ-UBCK đặt công ty vào tình trạng kiểm soát.
14/10/2013	Giấy phép điều chỉnh số 44/GPĐC – UBCK vv Rút nghiệp vụ Môi giới chứng khoán.
25/04/2014	Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK vv thay đổi địa chỉ trụ sở chính Tầng 2 tòa nhà Ocean park, số 1 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà nội
13/06/2016	Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK vv thay đổi Tổng giám đốc
16/08/2017	Giấy phép điều chỉnh số 40/GĐC-UBCK vv thay đổi Tổng giám đốc

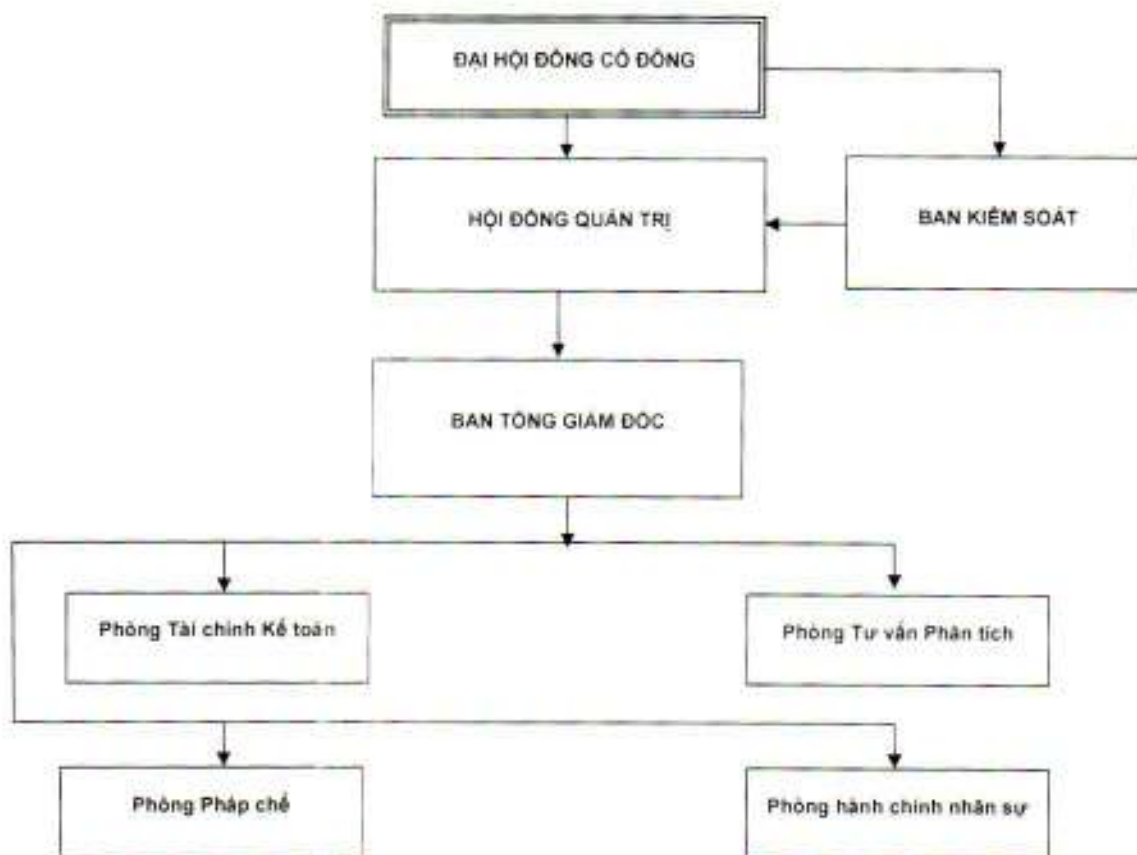
Công ty hiện không còn là công ty đại chúng theo qui định.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

**Ngành nghề kinh doanh:** Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán

**Địa bàn kinh doanh:** Hà Nội

### 4. Thông tin về mô hình Quản trị , tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý





## 5. Định hướng phát triển

- Tập trung vào nghiệp vụ trọng yếu là tư vấn, phát triển các sản phẩm mới tư vấn tài chính, tư vấn quản trị, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn niêm yết, cổ phần hóa ...
- Tìm kiếm phát triển khách hàng tổ chức và tập trung khai thác tối ưu các khách hàng cá nhân.
- Nâng tỷ trọng doanh thu tư vấn trong cơ cấu tổng doanh thu của toàn công ty.
- Áp dụng các chuẩn mực quản trị, tăng cường công tác quản trị rủi ro.
- Xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp với tác phong làm việc thân thiện.
- Tìm kiếm đối tác tham gia tái cấu trúc công ty.

## 6. Các rủi ro

**Rủi ro thị trường:** Thanh khoản của thị trường là yếu tố tác động chủ yếu đến hoạt động của thị trường, thanh khoản không ổn định do nhiều nguyên nhân tuy nhiên các biến động mạnh lại rơi vào từng thời điểm khác nhau nên rủi ro thị trường là rủi ro không ổn định ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của công ty.

**Rủi ro hoạt động:** Rủi ro do phần mềm, giao dịch trực tuyến, đường truyền, rủi ro do tác động của con người rủi ro này có thể gây thiệt hại về tài chính cho công ty và mất uy tín với khách hàng.

**Rủi ro tuân thủ:** Là rủi ro do không thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật và quy chế quy trình của công ty, để hạn chế rủi ro này công ty đã chú trọng công tác kiểm soát ngay từ khi soạn thảo các quy trình và thực hiện tại tất cả các phòng ban.

**Rủi ro thanh toán:** Là rủi ro khi công ty không có đủ tiền để thanh toán cho khách hàng công ty đã kiểm soát tốt vấn đề rủi ro này.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình sản xuất kinh doanh trong năm

- Hoạt động tư vấn: năm 2019 Công ty tập trung vào tái cơ cấu Công ty nên trong năm chưa ghi nhận được doanh thu từ hoạt động này.
- Hoạt động nguồn: Nguồn thu trong năm chủ yếu từ hoạt động này, doanh thu đạt 698 triệu đồng.
- Hoạt động tự doanh: trong năm Công ty đã bán hết danh mục chứng khoán niêm yết tồn đọng cũ.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Công ty đặt kế hoạch doanh thu là 1,82 tỷ đồng, chi phí hoạt động, chi phí quản lý và các chi phí khác là 1,38tr đồng; lợi nhuận sau thuế 0,44 tỷ đồng. Kết thúc năm tài chính, công ty đạt 743 triệu đồng doanh thu, doanh thu khác 63 triệu đồng. Chi phí hoạt động kinh doanh (-584) triệu đồng do hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết; chi phí quản lý và các chi phí khác là 1,299 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế 39,5 triệu đồng. Công ty không hoàn thành kế hoạch đặt ra trong năm tài chính.



## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách Ban điều hành

Ông: Nguyễn Như Tinh – Tổng Giám đốc

Bà: Phan Thị Hoài Thu – Kế toán trưởng

### 2. 2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

#### **Nguyễn Như Tinh - Tổng Giám đốc**

- ✓ Họ và tên: Nguyễn Như Tinh
- ✓ Giới tính: Nam
- ✓ Ngày tháng năm sinh: 16/10/1989
- ✓ Nơi sinh: Bách Thuận, Vũ Thư, Thái Bình
- ✓ Căn cước công dân số: 034089005737 cấp ngày 27/04/2017
- ✓ Dân tộc: Kinh
- ✓ Quốc tịch: Việt Nam
- ✓ Quê quán: Thái Bình
- ✓ Địa chỉ thường trú: Thôn Thượng Xuân, Xã Bách Thuận, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình
- ✓ Địa chỉ cư trú: Số 25, ngõ 77, phố Bằng Liệt, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 0987266868
- ✓ Trình độ văn hoá: Đại học
- ✓ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế tài chính Ngân hàng
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Tổng Giám đốc
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- ✓ Quá trình công tác:
  - Từ 04/2013 – 04/2016 : Trưởng phòng đầu tư Công ty đầu tư & PTĐN DTH Việt Nam
  - Từ 06/2016 – 31/12/2016 : Trưởng phòng tư vấn Công ty Chứng khoán Thủ Đổ.
  - Từ 01/2017 – 4/2017 : Trưởng phòng đầu tư Công ty Cổ phần quản lý đầu tư DTH Việt Nam.
  - Từ tháng 8/2017 : Tổng giám đốc công ty cổ phần chứng khoán Thủ đổ.

#### **Phan Thị Hoài Thu – Kế toán trưởng**

- ✓ Họ và tên: Phan Thị Hoài Thu
- ✓ Giới tính: Nữ
- ✓ Ngày tháng năm sinh: 24/02/1980
- ✓ Nơi sinh: Hà Nam
- ✓ CMND số: 070563952 cấp ngày 03/09/2013 tại Tuyên quang
- ✓ Dân tộc: Kinh
- ✓ Quốc tịch: Việt nam



- ✓ Quê quán: Tuyên Quang
- ✓ Địa chỉ thường trú: P1604A3, 250 Minh Khai, Hà Nội
- ✓ Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 024 3 5771733
- ✓ Trình độ văn hoá: Đại học
- ✓ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- ✓ Quá trình công tác:
  - 2007 - 2010 : Kế toán Công ty CP Chứng khoán Thủ đô.
  - Tháng 10/2013 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Chứng khoán Thủ đô.

### 2.3. Thay đổi Ban điều hành: không

Các thành viên Ban điều hành và Kế toán trưởng không sở hữu cổ phần tại CSC.

### 2.4. Số lượng cán bộ nhân viên

Tính đến thời điểm 31/12/2019 Tổng số cán bộ nhân viên của CSC là 6 người.

Trình độ	Số lượng người	Tỷ lệ %
Đại học trên đại học	6	100%
Cao đẳng	0	0%
Trung cấp	0	0%
Lao động khác	0	0%
<b>Tổng số</b>	<b>6</b>	<b>100%</b>

### 2.5. Chính sách đối với người lao động

#### 2.5.1. Chế độ lương thưởng

Cán bộ nhân viên CSC được hưởng lương theo năng lực và kết quả lao động phù hợp với Luật lao động của Nhà nước và quy định lương thưởng tổng thể của Công ty.

Chế độ khen thưởng cho cán bộ, nhân viên của CSC gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh. CSC có các chế độ cơ bản như sau:

- Trong trường hợp Công ty kinh doanh có lãi thì cán bộ nhân viên được hưởng lương tháng 13.
- Thưởng cho các cá nhân tiêu biểu trong năm; thưởng sáng kiến.
- Thưởng trong các dịp lễ tết của Quốc gia.

#### 2.5.2. Chế độ phụ cấp, bảo hiểm

Chế độ bảo hiểm: cán bộ, nhân viên chính thức của CSC được đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, được hưởng các trợ cấp xã hội phù hợp với Luật Lao động của Nhà nước, nội quy lao động và quy định lương thưởng tổng thể của Công ty.



Chế độ phụ cấp: tùy từng vị trí, lĩnh vực công tác mà cán bộ, nhân viên CSC còn được nhận các khoản phụ cấp như: phụ cấp độc hại, phụ cấp rủi ro, phụ cấp khu vực, phụ cấp chức vụ ...

### 2.5.3. Chế độ khác

Hàng năm, Công đoàn CSC tổ chức các chương trình hoạt động văn hoá cho cán bộ nhân viên Công ty.

Nhân viên chính thức CSC có cơ hội tham dự các lớp huấn luyện đào tạo nghiệp vụ theo nhu cầu công việc bên trong và bên ngoài Công ty.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2019 Công ty không triển khai dự án mới.

### 4. Tình hình tài chính

#### 4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	33,286,920,118	33,238,986,131	-0.14
Doanh thu thuần	964,179,717	741,534,887	-23.09
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2,402,159	41,075,054	1,609.92
Lợi nhuận khác	31,099,313	50,851,882	63.51
Lợi nhuận trước thuế	33,501,472	91,926,936	174.40



<b>4.2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản</b>	<b>Năm 2018 (%)</b>	<b>Năm 2019 (%)</b>
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn : Tài sản lưu động /Nợ ngắn hạn	8.877	10.321,47
Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	8.877	10.321,47
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số nợ/Tổng số tài sản	1,12	0,97
Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu	1,14	0,98
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	2,9	2,23
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,47	5,33
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	0,1	0,12
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,1	0,12
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần	0,25	5,54

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu****5.1. Tổng số cổ phần: 7.573.667 cổ phần**

Loại cổ phần: phổ thông

Số cổ phần được chuyển nhượng tự do: 7.573.667 cổ phần

**5.2. Cơ cấu cổ đông**

<b>STT</b>	<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ % sở hữu</b>
<b>1</b>	<b>Cổ đông lớn</b>	<b>6,145,167</b>	<b>81.14</b>
	Cá nhân	5,575,167	73.61
	Tổ chức	570,000	7.53
<b>2</b>	<b>Cổ đông nhỏ</b>	<b>1,428,500</b>	<b>18.86</b>
	Cá nhân	1,278,500	16.88
	Tổ chức	150,000	1.98
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.573.667</b>	<b>100,00</b>

\*\*\* Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu 5 % vốn



### 5.3. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm tăng 5 triệu đồng.

### 5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2019 Công ty không hoàn thành kế hoạch kinh doanh từ các mảng nghiệp vụ đầu tư, mảng nghiệp vụ kinh doanh chính cũng không đạt được kế hoạch đề ra, do không ký mới được hợp đồng mới.

### 2. Tình hình tài chính

#### 2.1. Tình hình tài sản

Tổng tài sản của công ty đạt 33,239 tỷ đồng.

#### 2.2. Tình hình nợ phải trả

Trong năm công ty không phát sinh khoản vay của các tổ chức tín dụng. Các khoản nợ phải trả hơn 300tr đồng chiếm tỷ đồng chiếm nhỏ trên vốn chủ sở hữu của công ty.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Không

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tập trung phát triển mảng dịch vụ tư vấn đầu tư gia tăng các khách hàng tư vấn là khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân để mang lại doanh thu từ nguồn này.

Phát triển sản phẩm mới tư vấn phát hành trái phiếu cho doanh nghiệp.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải tiến công tác quản trị điều hành. Hoàn thiện và áp dụng các chuẩn mực về quản trị công ty và quản trị rủi ro.

Phát triển các sản phẩm dịch vụ tư vấn cũ cho phù hợp với từng thời kỳ nhằm tăng hiệu quả cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm dịch vụ & tăng nguồn thu cho công ty.

Theo sát thị trường để chọn thời điểm thích hợp bán thoái toàn bộ danh mục tự doanh của công ty.

### 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

## VI. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Kết quả kinh doanh trong năm không được tốt. Ban Điều hành cần nỗ lực trong việc tìm kiếm khách hàng tư vấn để ký Hợp đồng mới, tạo doanh thu và đưa công ty từng bước phát triển & thu được những kết quả khả quan hơn vào những năm tiếp theo.





Hoạt động quản trị công ty về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu tuy nhiên cần thay đổi áp dụng đúng các chuẩn mực mới, nhằm giám sát & linh hoạt hơn cho công tác quản lý.

Công ty không hoàn thành được kế hoạch kinh doanh trong năm 2019.

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai đầy đủ các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm, tuy nhiên để đáp ứng được nhu cầu của khách hàng Ban Tổng Giám đốc cần chủ động hơn trong việc phát triển các sản phẩm mới, đẩy mạnh việc khai thác nhóm khách hàng doanh nghiệp & chú trọng công tác quản lý để tập trung ổn định & phát triển theo định hướng mà HĐQT & các cổ đông đã đề ra.

Công ty đang trong quá trình tái cấu trúc, Ban điều hành cần linh hoạt trong hoạt động điều hành, tập trung chính vào nghiệp vụ kinh doanh, rủi ro trên thị trường còn tiềm ẩn rất lớn nên Ban điều hành cần đánh giá kỹ các mức độ rủi ro để hạn chế tối đa các khoản rủi ro, gia tăng nguồn thu từ hoạt động kinh doanh của Công ty, tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động, bảo toàn vốn cho các cổ đông.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tái cấu trúc lại công ty theo hướng tập chung chuyên biệt vào mảng hoạt động tư vấn.
- Duy trì Công ty hoạt động ổn định theo đúng qui định của Pháp luật.
- Tìm kiếm đối tác tham gia tái cấu trúc công ty.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

- Thành viên HĐQT:

STT	Họ tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Thành viên độc lập	Thành viên điều hành	Ghi chú
1	Tạ Thị Tú Trinh	Chủ tịch HĐQT	7,81%	X		Bầu làm CT HĐQT từ ngày 20/04/2018
2	Trương Quốc Hùng	Phó CT thường trực HĐQT	0%	X		Tái bổ nhiệm Phó CT HĐQT từ ngày 22/05/2017
3	Lại Thu Nga	Thành viên HĐQT	0%	X		Bổ nhiệm từ ngày 20/04/2018

- Hoạt động của HĐQT

HĐQT họp định kỳ trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh & đưa ra các định hướng chiến lược phù hợp với từng giai đoạn của thị trường cho Ban điều hành thực thi.

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

Các thành viên HĐQT thường xuyên liên hệ trao đổi với nhau bằng Email, điện thoại để đưa ra các quyết định kịp thời.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ****Capital Securities Joint Stock Company**

Trụ sở chính: Tầng 2 toà nhà Ocean Park, số 01 Đào Duy Anh, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Tel: (04) 35771733 - Fax: (04) 35771741

Website: www.csc.vn

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HDQT	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Tạ Thị Tú Trinh	Chủ tịch HDQT	2	100%	
2	Trương Quốc Hùng	Phó Chủ tịch thường trực HDQT	2	100%	
3	Lại Thu Nga	Thành viên HDQT	2	100%	

- Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	02/2019/QĐ - CSC	06/05/2019	QĐ thành lập hội đồng xử lý công nợ.
2	01/2019/BB/HĐQT - CSC 01/2019/NQ-CSC	01/06/2019	- BB họp HDQT thông qua BCTC 2018, kế hoạch KD 2019 - NQ HDQT thông qua BCTC 2018, kế hoạch KD 2019
3	04/2019/BB/HĐQT-CSC 03/2019/CSC/NQ HDQT	02/12/2019	- BB họp HDQT thông qua chuyển nhượng CP NH TMCP Hàng Hải VN - NQ HDQT thông qua chuyển nhượng CP NH TMCP Hàng Hải VN

- Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị cổ chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:
  - + Tạ Thị Tú Trinh
  - + Trương Quốc Hùng

**2. Ban kiểm soát :**

- Thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Đoàn Thị An	Trưởng Ban kiểm soát	0%	Bầu làm Trưởng ban KS từ ngày 22/05/2017
2	Nguyễn Thị Tuyết Nga	Thành viên BKS	0%	Bầu làm TV Ban kiểm soát từ ngày 22/05/2017
3	Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên BKS	0%	Bầu làm TV Ban kiểm soát từ ngày 22/05/2017



- Hoạt động của Ban kiểm soát: Tất cả thành viên trong Ban kiểm soát là các thành viên độc lập, không kiêm nhiệm chức danh nào tại Công ty. Hoạt động của Ban kiểm soát hoàn toàn mang tính độc lập

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

- Lương, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát trong năm 2019: 168 triệu đồng
- Lương, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho Ban Tổng giám đốc trong năm 2019 là 89 triệu đồng.
- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

## IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến của kiểm toán

#### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Như trình bày tại Thuyết minh số V.2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng (nếu có) cho các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết (OTC) với tổng giá trị khoản đầu tư là 8.452.351.625 VND do Công ty không có thông tin để đánh giá giá trị hợp lý của các cổ phiếu này để làm cơ sở thực hiện trích lập dự phòng. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu trích lập dự phòng không, cũng như ảnh hưởng của vấn đề này (nếu có) đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính riêng.

#### Ý kiến kiểm ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động, cũng như tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: ( xem file đính kèm )

Hà nội, Ngày 17 tháng 01 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC /<sup>lc</sup>



Nguyễn Như Tinh



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	7 - 12
5. Báo cáo kết quả hoạt động riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 15
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	16 - 20
7. Báo cáo biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	21
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	22 - 39

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần chứng khoán Thủ Đô (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103015124 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 12 năm 2006, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 31/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp bổ sung các Giấy phép sau:

- Quyết định số 179/UBCK-GP ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 75.736.670.000 VND.
- Quyết định số 199/UBCK-GP ngày 06 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc Công ty rút bớt nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và tự doanh chứng khoán.
- Quyết định số 44/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc Công ty rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
- Quyết định số 17/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty.
- Quyết định số 78/QĐ-VSD ngày 17 tháng 2 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam quyết định về việc thu hồi giấy chứng nhận thành viên lưu ký.
- Quyết định số 40/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Tầng 2, tòa nhà Ocean Park, số 1, phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 5 771 733
- Fax : 0243 5 771 741

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Tư vấn đầu tư chứng khoán.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Bà Tạ Thị Tú Trinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Trương Quốc Hùng	Phó Chủ tịch thường trực	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2017
Bà Lại Thu Nga	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**  
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Đoàn Thị An	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2017

**Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Như Tinh	Ngày 16 tháng 8 năm 2017

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Như Tinh - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2017).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính riêng; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**  
**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

**Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng**

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán của công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



**Nguyễn Như Tinh**

Ngày 07 tháng 01 năm 2020



Số: 2.0015/20/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần chứng khoán Thủ đô (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 07 tháng 01 năm 2020, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như trình bày tại Thuyết minh số V.2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng (nếu có) cho các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết (OTC) với tổng giá trị khoản đầu tư là 8.452.351.625 VND do Công ty không có thông tin để đánh giá giá trị hợp lý của các cổ phiếu này để làm cơ sở thực hiện trích lập dự phòng. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu trích lập dự phòng không, cũng như ảnh hưởng của vấn đề này (nếu có) đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính riêng.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động, cũng như tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



**Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

**Trần Kim Anh - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2018-008-1

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>33.152.887.331</b>	<b>33.214.640.118</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>33.106.530.719</b>	<b>33.189.226.151</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	5.313.892.986	820.297.550
1.1. Tiền	111.1		3.313.892.986	120.297.550
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		2.000.000.000	700.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112		-	-
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	V.2.1	6.450.000.000	9.800.000.000
4. Các khoản cho vay	114		-	-
5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	V.2.2	8.452.351.625	33.647.547.075
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	V.3	-	(11.445.838.175)
7. Các khoản phải thu	117	V.4	12.860.462.453	348.532.329
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		12.679.869.029	-
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		180.593.424	348.532.329
7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	-
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		180.593.424	348.532.329
8. Trả trước cho người bán	118		29.823.655	861.809
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		-	-
10. Phải thu nội bộ	120		-	-
11. Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121		-	-
12. Các khoản phải thu khác	122	V.5	30.000.000	67.825.563
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	V.6	(30.000.000)	(50.000.000)
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>46.356.612</b>	<b>25.413.967</b>
1. Tạm ứng	131		-	-
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		-	-
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		9.133.335	7.663.331
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		1.000.000	1.000.000
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		36.223.277	16.750.636
6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		-	-
7. Tài sản ngắn hạn khác	137		-	-
8. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	138		-	-
9. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	139		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo tình hình tài chính riêng (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250-260)</b>	<b>200</b>		<b>86.098.800</b>	<b>72.280.000</b>
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Các khoản phải thu dài hạn	211		-	-
2. Các khoản đầu tư	212		-	-
2.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1		-	-
2.2. Đầu tư vào công ty con	212.2		-	-
2.3. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		-	-
2.4. Đầu tư dài hạn khác	212.4		-	-
3. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	-	-
Nguyên giá	222		4.267.266.668	4.738.176.655
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(4.267.266.668)	(4.738.176.655)
Đánh giá TSCĐHH theo giá trị hợp lý	223b		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226a		-	-
Đánh giá TSCĐTTTC theo giá trị hợp lý	226b		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
Nguyên giá	228		4.681.811.450	4.681.811.450
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(4.681.811.450)	(4.681.811.450)
Đánh giá TSCĐVH theo giá trị hợp lý	229b		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232a		-	-
Đánh giá BĐSĐT theo giá trị hợp lý	232b		-	-
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>86.098.800</b>	<b>72.280.000</b>
1. Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		72.898.800	67.000.000
2. Chi phí trả trước dài hạn	252		13.200.000	5.280.000
3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		-	-
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254		-	-
5. Tài sản dài hạn khác	255		-	-
<b>VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>33.238.986.131</b>	<b>33.286.920.118</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo tình hình tài chính riêng (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+340)</b>	<b>300</b>		<b>321.203.311</b>	<b>374.158.289</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>321.203.311</b>	<b>374.158.289</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	-
1.1. Vay ngắn hạn	312		-	-
1.2. Nợ thuê tài chính ngắn hạn	313		-	-
2. Vay tài sản tài chính ngắn hạn	314		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn - Cầu phần nợ	315		-	-
4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316		-	-
5. Vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	317		-	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		-	-
7. Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	319		-	-
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320		-	63.199.259
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		-	-
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.9	70.858.846	3.390.000
11. Phải trả người lao động	323		-	1.015.909
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		-	-
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325		23.438.465	-
14. Phải trả nội bộ ngắn hạn	326		-	-
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	-
16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		-	-
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	V.10	226.906.000	306.553.121
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn	330		-	-
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		-	-
20. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	332		-	-
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		-	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	341		-	-
1.1. Vay dài hạn	342		-	-
1.2. Nợ thuê tài chính dài hạn	343		-	-
2. Vay tài sản tài chính dài hạn	344		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi dài hạn - Cầu phần nợ	345		-	-
4. Trái phiếu phát hành dài hạn	346		-	-
5. Phải trả người bán dài hạn	347		-	-
6. Người mua trả tiền trước dài hạn	348		-	-
7. Chi phí phải trả dài hạn	349		-	-
8. Phải trả nội bộ dài hạn	350		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351		-	-
10. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	354		-	-
13. Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư	355		-	-
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356		-	-
15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	357		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo tình hình tài chính riêng (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>32.917.782.820</b>	<b>32.912.761.829</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>32.917.782.820</b>	<b>32.912.761.829</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		75.736.670.000	75.736.670.000
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		75.736.670.000	75.736.670.000
<i>a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411.1a</i>		<i>75.736.670.000</i>	<i>75.736.670.000</i>
<i>b. Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411.1b</i>		-	-
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	411.2		-	-
1.3 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cầu phân vốn	411.3		-	-
1.4 Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		-	-
1.5 Cổ phiếu quỹ	411.5		-	-
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		-	34.512.645
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		-	-
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		-	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	V.11	(42.818.887.180)	(42.858.420.816)
7.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(42.818.887.180)	(42.858.420.816)
7.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>33.238.986.131</b>	<b>33.286.920.118</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo tình hình tài chính riêng (tiếp theo)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận thế chấp	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	V.12	6.023.584.052	6.023.584.052
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		-	-
7. Cổ phiếu quỹ	007		-	-
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008		-	-
9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		-	-
10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010		-	-
11. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của CTCK	011		-	-
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012		-	-
13. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013		-	-
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		-	-
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		-	-
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		-	-
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		-	-
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		-	-
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		-	-
f. Tài sản tài chính chờ cho vay	021.6		-	-
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		-	-
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		-	-
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		-	-
c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD	022.3		-	-
d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4		-	-
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		-	-
4. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của Nhà đầu tư	024.A		-	-
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.B		-	-
6. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo tình hình tài chính riêng (tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
7. Tiền gửi của khách hàng	026		-	-
7.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		-	-
7.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		-	-
7.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		-	-
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		-	-
b. Tiền gửi Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		-	-
7.4 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		-	-
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		-	-
8.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		-	-
8.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		-	-
9. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		-	-
10. Phải thu của khách hàng về lãi giao dịch các tài sản tài chính	0.33		-	-
11. Phải trả của khách hàng về lãi giao dịch các tài sản tài chính	0.34		-	-
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		-	-

Người lập biểu

Đinh Thị Vân

Kế toán trưởng

Phan Thị Hoài Thu

Lập, ngày 07 tháng 01 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Như Tinh



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		20.277.648	27.876.690
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1		-	27.876.690
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2		-	-
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3		20.277.648	-
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		696.807.239	680.493.311
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		-	-
1.4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04		24.450.000	103.649.600
1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05		-	-
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		-	-
1.7. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	-
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		-	-
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		-	-
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		-	72.727.272
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11		-	79.432.844
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01-&gt;11)</b>	<b>20</b>	<b>VI.1</b>	<b>741.534.887</b>	<b>964.179.717</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		-	-
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1		-	-
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2		-	-
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		-	-
2.2. Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22		-	-
2.3. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23		-	-
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí để vay của các khoản cho vay	24		(611.281.774)	38.672.643
2.5. Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	25		-	-
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	-
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		-	-
2.8. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		-	-
2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		-	-
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		-	-
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		-	-
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32		26.510.017	2.216.022
<b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21-&gt;32)</b>	<b>40</b>	<b>VI.3</b>	<b>(584.771.757)</b>	<b>40.888.665</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo kết quả hoạt động riêng (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		-	-
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		1.484.936	849.216
3.3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	43		-	-
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44		-	-
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41-&gt;44)</b>	<b>50</b>	<b>VI.2</b>	<b>1.484.936</b>	<b>849.216</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		-	-
4.2. Chi phí lãi vay	52		-	-
4.3. Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	53		-	-
4.4. Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		-	-
4.5. Chi phí tài chính khác	55		-	-
<b>Cộng chi phí tài chính (60 = 51-&gt;55)</b>	<b>60</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	<b>61</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>62</b>	<b>VI.4</b>	<b>1.286.716.526</b>	<b>921.738.109</b>
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40 -60-61-62)</b>	<b>70</b>		<b>41.075.054</b>	<b>2.402.159</b>
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1. Thu nhập khác	71	VI.5	63.129.738	34.999.999
8.2. Chi phí khác	72	VI.6	12.277.856	3.900.686
<b>Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)</b>	<b>80</b>		<b>50.851.882</b>	<b>31.099.313</b>
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)</b>			<b>91.926.936</b>	<b>33.501.472</b>
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		-	-
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>52.393.300</b>	<b>-</b>
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	101	V.10	52.393.300	-
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	102		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo kết quả hoạt động riêng (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (đồng)	
			Năm nay	Năm trước
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>	<b>200</b>		<b>39.533.636</b>	<b>33.501.472</b>
<b>XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>	<b>300</b>		-	-
12.1. Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301		-	34.512.645
12.2. Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	302		-	-
12.3. Lãi, lỗ đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý	303		-	-
12.4. Lãi, lỗ toàn diện khác	304		-	-
<b>Tổng thu nhập toàn diện</b>	<b>400</b>		-	<b>34.512.645</b>
<b>XIII. THU NHẬP THUẢN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	<b>500</b>		-	-
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	VI.7	5	4
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502	VI.7	5	4

Lập, ngày 07 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

Đinh Thị Vân

Kế toán trưởng

Phan Thị Hoài Thu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Như Tinh

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết t minh	Đơn vị tính: Đồng Việt Nam	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		91.926.936	33.501.472
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02			
- Khấu hao tài sản cố định	03		-	6.911.146
- Các khoản dự phòng	04		(11.465.838.175)	(143.316.706)
- (-Lãi) hoặc (+lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		-	(14.999.999)
- Dự thu tiền lãi	08		(180.593.424)	(348.532.329)
- Các khoản điều chỉnh khác	09		-	-
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		(34.512.645)	-
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		-	-
- Lỗ suy giảm giá trị Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	12		-	-
- Lỗ suy giảm giá trị Các khoản cho vay	13		-	-
- Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán AFS khi phân loại lại	14		(34.512.645)	-
- Suy giảm giá trị của các tài sản cố định, BĐSĐT	15		-	-
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16		-	-
- Lỗ khác	17		-	-
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		-	-
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		-	-
- Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	20		-	-
- Lãi khác	21		-	-
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		16.082.612.744	1.256.545.245
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		-	-
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		3.350.000.000	(2.052.239.786)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		-	-
- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		25.195.195.450	104.423.310
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cố tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		348.532.329	227.552.029
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(12.679.869.029)	-
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu về lỗi giao dịch các TSTC	38		-	-
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		(10.608.924)	3.231.735.868
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(5.898.800)	-
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		23.438.465	-
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(9.390.004)	(3.754.272)
- (-) Thuế TNDN đã nộp	43		-	-
- (-) Lãi vay đã trả	44		-	-
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(63.199.259)	866.860
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		-	-
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		67.468.846	3.109.509
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(1.015.909)	(48.962.867)
- Tăng (giảm) phải trả về lỗi giao dịch các TSTC	49		-	-
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(132.040.421)	(206.185.406)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	52		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>		<b>4.493.595.436</b>	<b>790.108.829</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	61		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, BĐSĐT và các tài sản khác	62		-	14.999.999
3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63		-	-
4. Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64		-	-
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>70</b>		<b>-</b>	<b>14.999.999</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71			
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành	72		-	-
3. Tiền vay gốc	73		-	-
3.1 Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	73.1		-	-
3.2 Tiền vay khác	73.2		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		-	-
4.1 Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	74.1		-	-
4.2 Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	74.2		-	-
4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		-	-
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	75		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>80</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>	<b>90</b>		<b>4.493.595.436</b>	<b>805.108.828</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>101</b>	<b>V.1</b>	<b>820.297.550</b>	<b>15.188.722</b>
- Tiền	101.1		120.297.550	15.188.722
- Các khoản tương đương tiền	101.2		700.000.000	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	102		-	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>103</b>	<b>V.1</b>	<b>5.313.892.986</b>	<b>820.297.550</b>
- Tiền	103.1		3.313.892.986	120.297.550
- Các khoản tương đương tiền	103.2		2.000.000.000	700.000.000
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI  
ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: Đồng Việt Nam	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		-	-
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		-	-
3. Tiền thu bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	03		-	-
4. Tiền chi bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	04		-	-
5. Thu vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	05		-	-
6. Chi trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	06		-	-
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		-	-
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		-	-
9. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	09		-	-
10. Chi trả cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	10		-	-
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		-	-
12. Thu lỗi giao dịch chứng khoán	12		-	-
13. Chi lỗi giao dịch chứng khoán	13		-	-
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		-	-
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		-	-
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>	<b>20</b>			
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>30</b>			
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31			
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		-	-
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		-	-
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		-	-
Trong đó có kỳ hạn				
Các khoản tương đương tiền	36		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	37		-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đảo Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40			
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		-	
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		-	-
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		-	-
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		-	-
Trong đó có kỳ hạn				
Các khoản tương đương tiền	46		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47		-	-

Người lập biểu

Đinh Thị Vân

Kế toán trưởng

Phan Thị Hoài Thu

Lập, ngày 07 tháng 01 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Như Tinh



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH MIÉNG**

Cho năm (à) chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Kỳ trước		Kỳ này	
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
		7	8	5	6	7	8
<b>A</b>							
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>							
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		75.736.670.000	75.736.670.000			75.736.670.000	75.736.670.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		75.736.670.000	75.736.670.000			75.736.670.000	75.736.670.000
1.2. Cổ phiếu ưu đãi							
1.3. Thông tin vốn cổ phần							
1.4. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn							
1.5. Vốn khác của chủ sở hữu							
2. Cổ phiếu quỹ (*)							
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ							
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ							
5. Chính sách đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		73.404.892	34.512.645	34.512.645	(73.404.892)	34.512.645	34.512.645
6. Chính sách tỷ giá hối đoái							
7. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	V.10	(42.858.420.816)	(42.858.420.816)	33.301.472		(42.858.420.816)	(42.818.887.180)
8. Lợi nhuận chưa phân phối							
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện							
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện							
<b>Tổng cộng</b>		<b>32.918.152.604</b>	<b>32.912.761.829</b>	<b>68.014.117</b>	<b>(73.404.892)</b>	<b>32.912.761.829</b>	<b>32.917.782.820</b>
<b>II. Thu nhập toàn diện khác</b>							
1. Lợi tức đánh giá lại các TSVC sẵn sàng để bán							
2. Lãi, lỗ đánh giá lại TED theo mô hình giá trị hợp lý							
3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá của hợp đồng tài chính ngoại							
4. Lãi, lỗ toàn diện khác							
<b>Tổng cộng</b>							

Người lập biểu

*[Signature]*

Đinh Thị Vân

Kế toán trưởng

*[Signature]*

Phan Thị Hoài Thu



Nguyễn Như Tỉnh

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đồ (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103015124 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 12 năm 2006, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 31/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp bổ sung các Giấy phép sau:

- Quyết định số 179/UBCK-GP ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 75.736.670.000 VND.
- Quyết định số 199/UBCK-GP ngày 06 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc Công ty rút bớt nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và tự doanh chứng khoán.
- Quyết định số 44/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 10 năm 2013 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc Công ty rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
- Quyết định số 17/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 6 năm 2016 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty.
- Quyết định số 78/QĐ-VSD ngày 17 tháng 2 năm 2017 Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam quyết định về việc thu hồi giấy chứng nhận thành viên lưu ký.
- Quyết định số 40/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty.

#### 2. Địa chỉ liên hệ

Địa chỉ : Tầng 2, tòa nhà Ocean Park, số 1, phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 0243 5 771 733

Fax : 0243.5 771 741

#### 3. Điều lệ hoạt động của Công ty

Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ đồ ban hành ngày 21/12/2006 và sửa đổi, bổ sung lần cuối ngày 20/4/2018.

#### 4. Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

- Quy mô vốn : Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng vốn điều lệ của Công ty là 75.736.670.000 đồng. Vốn chủ sở hữu là 32.917.782.820 đồng. Tổng tài sản là 33.238.986.131 đồng
- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh : Chứng khoán
- Hoạt động chính của công ty : Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Cấu trúc Công ty : Công ty không có Công ty con, công ty liên kết, đơn vị hạch toán phụ thuộc

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

---

- Số lượng nhân viên của Công ty : Tại thời điểm 31/12/2019 là 6 người  
Tại thời điểm 31/12/2018 là 6 người

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 19 tháng 12 năm 2006 (ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi của các nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

##### 3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định, hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua, cộng các chi phí giao dịch, phí môi giới, phí đại lý phát hành, phí ngân hàng (nếu có).

##### 4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được phân loại sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại vào nhóm:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua, cộng các chi phí giao dịch, phí môi giới, phí đại lý phát hành, phí ngân hàng (nếu có).

Trước ngày 01 tháng 01 năm 2017, các tài sản tài chính AFS được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, các tài sản tài chính AFS được phân ánh theo giá trị hợp lý và khoản lãi hay lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị hợp lý được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác) ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính AFS được xác định theo phương pháp được trình bày tại thuyết minh IV. 17

##### 5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính của Công ty được lập cho các loại chứng khoán có giá thị trường/giá trị hợp lý thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chỉ có các cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM), không có giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (OTC). Do đó, Công ty không có thông tin để đánh giá giá trị hợp lý của các cổ phiếu này để làm cơ sở thực hiện trích lập dự phòng.

### 6. Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao, và:
  - ✓ Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
  - ✓ Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.
  - ✓ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu quá tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

### 7. Phân loại lại tài sản tài chính

*Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL*

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL, Công ty thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL.

*Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ*

Công ty thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác cho phù hợp, do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt, hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản giảm giá đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá gốc trừ dự phòng (nếu có) do pháp luật chứng khoán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

### 8. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

### *Phải thu và dự thu cổ tức*

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty được ghi nhận khi Công ty được phân bổ quyền nhận cổ tức (tại ngày giao dịch không hưởng quyền) đối với các cổ phiếu hình thành trước ngày giao dịch không hưởng quyền.

Cổ tức không được ghi nhận cho Công ty đối với các cổ phiếu giao dịch sau ngày không hưởng quyền.

### *Phải thu và dự thu tiền lãi các tài sản tài chính*

- Phải thu và dự thu tiền lãi đến kỳ nhưng chưa nhận được tiền: tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính của Công ty được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.
- Phải thu và dự thu tiền lãi đến kỳ nhưng chưa đến kỳ nhận lãi: Hàng tháng Công ty dự thu các khoản lãi phát sinh từ các tài sản tài chính theo lãi suất thực tế và thời gian phát sinh trong kỳ.

### *Dự phòng suy giảm giá trị các khoản nợ phải thu*

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản nợ phải thu được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng suy giảm giá trị nợ phải thu cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý công ty chứng khoán.

## 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 – 08

## 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

---

#### ***Phần mềm máy tính***

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 - 08 năm.

#### ***Chi phí thiết kế trang web***

Chi phí thiết kế trang web bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 08 năm.

#### ***Tài sản cố định vô hình khác***

Bao gồm lệ phí cấp phép hoạt động của Công ty và hệ thống nhận diện thương hiệu Công ty.

### **11. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **12. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Lợi nhuận chưa phân phối***

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối kỳ trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Và chỉ phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã bù trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

---

#### **13. Doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm kế toán.

##### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán (khi nhận được Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và giá vốn bình quân của chứng khoán.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

##### *Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán*

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được thông báo thanh toán cho các khoản giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (Đối với chứng khoán niêm yết)

#### **14. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **15. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

---

### 16. Quản lý rủi ro tài chính

#### *Tổng quan*

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều cá nhân vay cầm cố chứng khoán và vay ứng trước, hiện tại khó có khả năng thu hồi nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là cao.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính.

#### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản phải trả người bán ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

---

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm gửi tiền có kỳ hạn tại ngân hàng. Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do lãi suất thị trường có biên độ dao động nhỏ.

#### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là đáng kể do các khoản chứng khoán Công ty nắm giữ có biên độ giao động giá cao.

## **17. Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

#### *Tài sản tài chính*

Xem thuyết minh IV.5.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	6.252.620	51.703.135
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	3.307.640.366	68.594.415
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	700.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	2.000.000.000	700.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.313.892.986</u></b>	<b><u>820.297.550</u></b>

##### 2. Các loại tài sản tài chính

###### 2.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	6.450.000.000	7.800.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng		2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>6.450.000.000</u></b>	<b><u>9.800.000.000</u></b>

###### 2.2 Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Bao gồm các loại cổ phiếu Công ty đang nắm giữ, chi tiết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	-	<b>21.577.943.025</b>
Ngân hàng TMCP Á Châu		12.962.665.766
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		7.045.620.054
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn		797.594.784
Các mã chứng khoán khác		772.062.421
<b>Cổ phiếu đăng ký giao dịch upcom</b>	-	<b>2.299.506.050</b>
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship		1.936.500.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng		363.006.050
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết (OTC)</b>	<b>8.452.351.625</b>	<b>9.770.098.000</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	3.452.351.625	4.770.098.000
<b>Cộng</b>	<b><u>8.452.351.625</u></b>	<b><u>33.647.547.075</u></b>

##### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các cổ phiếu chưa niêm yết (OTC) do không có cơ sở để xác định giá thị trường của các cổ phiếu này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Ocean park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

### 3. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính

*Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị thị trường*

Cơ sở lập dự phòng năm nay

	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	Giá trị tăng trưởng tại 31/12/2019	Giá trị lập dự phòng tại		Mức trích lập /hoàn nhập năm nay
				31/12/2019	31/12/2018	
<b>1. Cổ phiếu niêm yết</b>						
Ngân hàng TMCP A Châu					9.219.899.725	(9.219.899.725)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam					4.405.216.966	(4.405.216.966)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn					3.972.740.554	(3.972.740.554)
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn					445.814.784	(445.814.784)
Tổng Công ty Phân bón và Hóa Chất Dầu khí					26.275.410	(26.275.410)
Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận chuyển					87.344.320	(87.344.320)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido					36.658.077	(36.658.077)
Công ty Cổ phần VICEM Thạch cao Xi măng					29.171.366	(29.171.366)
					216.678.248	(216.678.248)
<b>2. Cổ phiếu đăng ký giao dịch (UPCOM)</b>					<b>2.225.938.450</b>	<b>(2.225.938.450)</b>
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship					1.898.000.000	(1.898.000.000)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng					327.938.450	(327.938.450)
					-	-
<b>3. Cổ phiếu chưa niêm yết (OTC)</b>	<b>115.200</b>	<b>8.452.351.625</b>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	43.153	5.000.000.000				
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	72.047	3.452.351.625				
<b>Cộng</b>	<b>115.200</b>	<b>8.452.351.625</b>			<b>11.445.838.175</b>	<b>(11.445.838.175)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Ocean park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

*Tình hình biến động dự phòng suy giảm giá trị của các tài sản tài chính (AFS) như sau:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	11.445.838.175	11.407.165.532
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(611.281.774)	38.672.643
Sử dụng chi phí dự phòng	(10.834.556.401)	
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>11.445.838.175</u>
<b>4. Các khoản phải thu</b>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu bán các tài sản tài chính	12.679.869.029	
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	180.593.424	348.532.329
Cộng	<u>12.860.462.453</u>	<u>348.532.329</u>
<b>5. Các khoản phải thu khác</b>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	30.000.000	67.825.563
Các khoản phải thu khác	-	-
Cộng <sup>(1)</sup>	<u>30.000.000</u>	<u>67.825.563</u>

<sup>(1)</sup> Các khoản phải thu khó đòi được trình bày tại Thuyết minh V.5

#### 6. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Đối tượng	Giá trị nợ phải thu khó đòi		
	Số đầu năm	Số hoàn nhập	Số cuối năm
<i>Phải thu hoạt động cầm cố chứng khoán</i>	-	-	-
<i>Phải thu hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán</i>	-	-	-
<i>Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán</i>	-	-	-
Các khoản phải thu khác	50.000.000	(20.000.000)	30.000.000
Công ty Cổ phần Hạng Sơn Đông Á	20.000.000	(20.000.000)	
Công ty Cổ phần May Phú Thành	30.000.000	-	30.000.000
Cộng	<u>50.000.000</u>	<u>(20.000.000)</u>	<u>30.000.000</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

#### 7. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình là các máy móc thiết bị sử dụng cho hoạt động của công ty chứng khoán. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình trong năm như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	4.738.176.655	4.738.176.655	-
Giảm khác do tiêu hủy	(470.909.987)	(470.909.987)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.267.266.668</b>	<b>4.267.266.668</b>	-

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty đều đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

#### 8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Website</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>TSCĐ vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	45.000.000	4.489.441.050	147.370.400	4.681.811.450
Tăng trong năm				
<b>Số cuối năm</b>	<b>45.000.000</b>	<b>4.489.441.050</b>	<b>147.370.400</b>	<b>4.681.811.450</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	45.000.000	4.489.441.050	147.370.400	4.681.811.450
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	45.000.000	4.489.441.050	147.370.400	4.681.811.450
Tăng do trích khấu hao				
<b>Số cuối năm</b>	<b>45.000.000</b>	<b>4.489.441.050</b>	<b>147.370.400</b>	<b>4.681.811.450</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm				
Số cuối năm				

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

#### 9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	3.390.000	45.751.203	(30.675.657)	18.465.546
Thuế Thu nhập doanh nghiệp		52.393.300		52.393.300
Các loại thuế khác		15.257.225	(15.257.225)	-
<b>Cộng</b>	<b>3.390.000</b>	<b>113.401.728</b>	<b>(45.932.882)</b>	<b>70.858.846</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Tư vấn đầu tư chứng khoán Không chịu thuế
- Tư vấn tài chính 10%

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	91.926.936	33.501.472
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	240.747.856	72.130.994
- Các khoản điều chỉnh giảm	265.197.856	72.130.994
Thu nhập chịu thuế	332.674.792	105.632.466
Thu nhập được miễn thuế		(103.649.600)
Lỗi các năm trước được chuyển	(70.708.293)	(72.105.668)
Thu nhập tính thuế	261.966.499	(70.122.802)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>52.393.300</b>	<b>-</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

**10. Phải trả phải nộp khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	-	35.881.335
Bảo hiểm xã hội Bảo hiểm y tế Bảo hiểm thất nghiệp	-	234.294
Thuế TNCN phải trả	146.351.110	167.802.857
Các khoản phải trả phải nộp khác	80.554.890	102.634.635
<b>Cộng</b>	<b><u>226.906.000</u></b>	<b><u>306.553.121</u></b>

**11. Lợi nhuận chưa phân phối**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(42.858.420.816)	(42.891.922.288)
Lợi nhuận trong năm	39.533.636	33.501.472
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>(42.818.887.180)</u></b>	<b><u>(42.858.420.816)</u></b>

**12. Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	
Ông Đặng Việt Dũng	2.247.470.298	2.247.470.298	Nợ khó đòi không thu hồi được
Ông Nguyễn Tùng Lâm	54.998.729	54.998.729	Nợ khó đòi không thu hồi được
Ông Phạm Duy Khánh	434.443.808	434.443.808	Nợ khó đòi không thu hồi được
Bà Trần Thuý An	70.702.620	70.702.620	Nợ khó đòi không thu hồi được
Bà Phạm Thị Kim Thu	187.173.391	187.173.391	Nợ khó đòi không thu hồi được
Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền	377.581.851	377.581.851	Nợ khó đòi không thu hồi được
Ông Phạm Bảo Dương	174.019.323	174.019.323	Nợ khó đòi không thu hồi được
Ông Nguyễn Văn Tuấn	1.078.726.663	1.078.726.663	Nợ khó đòi không thu hồi được
Ông Hoàng Việt Hùng	126.814.425	126.814.425	Nợ khó đòi không thu hồi được
Ông Bùi Minh Sơn	118.765.247	118.765.247	Nợ khó đòi không thu hồi được
Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	203.290.083	203.290.083	Nợ khó đòi không thu hồi được
Ông Lý Hữu Khải	751.130.313	751.130.313	Nợ khó đòi không thu hồi được
Ông Đoàn Phạm Hồng Trung	8.984.409	8.984.409	Nợ khó đòi không thu hồi được
Ông Lý Hữu Khải	61.500.000	61.500.000	Nợ khó đòi không thu hồi được
Ông Phạm Minh Quang	30.740.334	30.740.334	Nợ khó đòi không thu hồi được
Các đối tượng khác	97.242.558	97.242.558	Nợ khó đòi không thu hồi được
<b>Cộng</b>	<b><u>6.023.584.052</u></b>	<b><u>6.023.584.052</u></b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG****1. Doanh thu hoạt động**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	20.277.648	27.876.690
Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	24.450.000	103.649.600
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	696.807.239	680.493.311
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		72.727.272
Các khoản doanh thu khác		79.432.844
<b>Cộng</b>	<b><u>741.534.887</u></b>	<b><u>964.179.717</u></b>

**2. Doanh thu hoạt động tài chính**

Là khoản lãi tiền gửi không kỳ hạn.

**3. Chi phí hoạt động**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dự phòng	(611.281.774)	38.672.643
Chi phí bằng tiền khác	26.510.017	2.216.022
<b>Cộng</b>	<b><u>(584.771.757)</u></b>	<b><u>40.888.665</u></b>

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	864.984.109	682.635.472
Chi phí vật liệu quản lý	805.000	90.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.930.000	16.430.001
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	6.911.146
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	(20.000.000)	(181.989.349)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	435.997.417	394.660.839
<b>Cộng</b>	<b><u>1.286.716.526</u></b>	<b><u>921.738.109</u></b>

**5. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý tài sản		14.999.999
Công nợ phải trả lâu ngày	63.129.738	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>63.129.738</u></b>	<b><u>34.999.999</u></b>

**6. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt chậm nộp	12.277.856	130.994
Chênh lệch lỗ thanh lý tài sản		3.769.692
<b>Cộng</b>	<b><u>12.277.856</u></b>	<b><u>3.900.686</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

#### 7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu/ thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	39.533.636	33.501.472
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	39.533.636	33.501.472
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.573.677	7.573.677
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu/ thu nhập pha loãng trên cổ phiếu</b>	<b>5</b>	<b>4</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.573.677	7.573.677
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>7.573.677</b>	<b>7.573.677</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	89.009.200	243.463.473
Phụ cấp	168.000.000	54.000.000
<b>Cộng</b>	<b>257.009.200</b>	<b>297.463.473</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

---

#### 2. Thông tin về bộ phận

Trong năm, công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

#### 3. Số liệu so sánh

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

Lập, ngày 07 tháng 01 năm 2020



Đinh Thị Vân  
Người lập biểu



Phan Thị Hoài Thu  
Kế toán trưởng



Nguyễn Như Tinh  
Tổng Giám đốc

